TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 8 - 2024
V/v tranh chấp: "Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim Liên.

2. Bà Phan Thị Hồng Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 80/67, khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt; có Đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 65/10, khóm Hưng T, phường M, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2024, Bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Đầu năm 2012, bà và ông H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Ông bà có tổ chức lễ cưới vào ngày 27/7âl/2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84/2013, Quyển số 01/2013, ngày 16/5/2013 mang tên H và bà T. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống; tính tình vợ chồng không phù hợp nên vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui. Do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có một con chung tên H, sinh ngày 14/3/2013; theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024, bà Tú trình bày cháu H sinh sống cùng ông Hoài; tuy nhiên bà có yêu cầu nuôi cháu H và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 10/6/2024, bà Tú xác định hiện nay cháu H đang sinh sống cùng bà nên bà có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Ngô Thanh H đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt; không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/6/2024.

Bị đơn ông Ngô Thanh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Thanh H và bà Tú có yêu cầu được quyền nuôi con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn của vụ án là ông Ngô Thanh H có nơi cư trú tại số 65/10, khóm Hưng Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 BLTTDS nhưng ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông H không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra

xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T trình bày, đầu năm 2012, bà và ông Ngô Thanh Hoài tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Ông bà có tổ chức lễ cưới vào ngày 27/7âl/2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; tính tình vợ chồng không phù hợp nên vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui. Do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Chứng minh cho lời trình bày, bà T có cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2013, Quyển số 01/2013, ngày 16/5/2013 của UBND phường M, thành phố L, tỉnh A cấp cho ông H và bà T; Giấy khai sinh của con chung H, sinh ngày 14/3/2013. Như vậy, bà T đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của BLTTDS. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông H vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa; không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Do đó, lời trình bày và chứng cứ mà bà T cung cấp là cơ sở để HĐXX xác định hôn nhân giữa bà T với ông H là hôn nhân hợp pháp; được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau là có thật.

HĐXX xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của vợ hoặc chồng, cả bà T với ông H đều đã vi phạm nghiêm trọng Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa của vợ chồng dành cho nhau. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích của hôn nhân không đạt được. Nếu HĐXX tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên H, sinh ngày 14/3/2014; tại Đơn khởi kiện ngày 06/5/2024; bà T xác định con chung đang sống cùng cha là ông Hoài. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 10/6/2024; bà Tú trình bày hiện nay con chung là cháu H đang sống cùng bà Tú; điều này phù hợp với Biên bản ghi ý kiến con chung là cháu H do Tòa án lập ngày 10/6/2024, cháu Huy xác định hiện nay sinh sống cùng mẹ ruột là bà T và có mong muốn được sinh sống với bà T sau khi bà T và ông H ly hôn.

Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của bà T; cháu H sinh sống ổn định và phát triển bình thường; cho thấy bà T có đủ điều kiện để tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; điều này phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu H và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, ông H vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bà T đều có yêu cầu ông H pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H, sinh ngày 14/3/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về mức cấp dưỡng quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về phương thức cấp dưỡng quy định: *"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần"*. Ông H không tham dự phiên tòa nên các bên không tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con nên mức cấp dưỡng nuôi con sẽ do Tòa án quyết định. Theo lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H không có nghề nghiệp ổn định và mức thu nhập không cao. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu H, HĐXX buộc ông H cấp dưỡng nuôi cháu Huy mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở hiện nay là phù hợp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì *"Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng"*. Do đó, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi cháu H, sinh ngày 14/3/2014 mỗi tháng với số tiền là 1.170.000 đồng *(Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng)* cho đến khi cháu H, sinh ngày 14/3/2014 đủ 18 tuổi; trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 05/8/2024. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Bà T trình bày, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này các bên chứng minh vợ chồng có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà không tự thỏa thuận phân chia được thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án khác.

Về quan hệ nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không có yêu cầu gì; vì vậy HĐXX cũng không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà T với ông H vẫn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí:

- Bà T yêu cầu ly hôn nên bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002068, ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L, tỉnh A.

- Ông H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm cấp dưỡng của người có nghĩa vụ nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 232; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T và bị đơn ông H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T được ly hôn ông Ngô Thanh H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu H, sinh ngày 14/3/2014 cho bà T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu H, sinh ngày 14/3/2014 mỗi tháng với số tiền là 1.170.000 đồng *(Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng)* cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 05/8/2024. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà T yêu cầu ly hôn nên bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002068, ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L, tỉnh A.

- Ông H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm cấp dưỡng của người có nghĩa vụ nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
(GCNKH số 84/2013, Quyển số 01/2013, ngày 16/5/2013).
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu